UBND XÃ BÌNH TUYỀN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Số 654/CV- QLDA

V/v niêm yết công khai trên cổng thông tin của UBND xã Bình Tuyền, tỉnh Phú thọ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tuyền, ngày 23 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Văn phòng HĐND – UBND xã Bình Tuyền.

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Điểm b, Khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định *"Thời hạn niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã là 10 ngày. Thời hạn tổ chức đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là không quá 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư"*.

Để đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Ban Quản lý dự án xã đề nghị Phòng văn hóa xã đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND xã Bình Tuyền về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đường từ ĐT.310B kết nối đường Đ3 khu vực thôn Thanh Lanh, xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên tại thôn Bảo Sơn, xã Bình Tuyền, tỉnh Phú Thọ.

(Có phương án bồi thường, GPMB kèm theo)

Ban Quản lý dự án đề nghị Văn phòng HĐND - UBND xã quan tâm phối hợp./.

Nơi nhận:
- Như kg;
- UBND xã (b/c);
- Lưu: QLDA.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH TUYỀN - TỈNH PHÚ THỌ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ BÌNH TUYỀN

Phạm Ngọc Lân

UBND XÃ BÌNH TUYÊN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 02: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB ĐẤT NÔNG NGHIỆP QUỸ I, ĐẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP KHÔNG CÓ GIẤY TỜ VỀ QSD ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (THU HỒI TỪ DƯỚI 10% - 70% DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP ĐANG SỬ DỤNG)
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ ĐT.310B KẾT NỐI ĐƯỜNG Đ3 KHU VỰC THÔN THANH LANH, XÃ TRUNG MỸ, HUYỆN BÌNH XUYÊN
Địa điểm: Thôn Bảo Sơn - xã Bình Tuyền - tỉnh Phú Thọ
(Kèm theo Biên bản niêm yết ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Ban Quản lý dự án)

STT	Tên chủ sử dụng đất	SỐ CCCD	Thông tin hồ sơ địa chính						Thông tin theo mảnh trích đo địa chính thu hồi và giao đất			Diện tích thu hồi (m2)						Số khẩu	Tổng DT đang sử dụng	Tỷ lệ % DTTH	Bồi thường, hỗ trợ về đất: 95.000đ/m2	Bồi thường hoa màu 12.333đ/m2	Hỗ trợ CĐN 475.000đ/m2	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ
			Số tờ	Số thửa	Tổng DT	Xứ đồng	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Số tờ	Số thửa	DT (m2)	Tổng DT	Trong chỉ giới	Ngoài chỉ giới	Trong đó										
															Quỹ I	Thửa	Đất không có giấy tờ về QSD đất							
I	**Thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Hỗ trợ ổn định đời sống: 30kg gạo *16.000đồng/tháng*4 tháng = 1.920.000đồng/khẩu)**										**5.125,3**	**1.026,9**	**883,4**	**143,5**	-	-	**1.026,9**	**8,0**	**6.844,5**	**0,3**	**97.555.500**		**487.777.500**	**15.360.000**	**600.693.000**
1	Nguyễn Văn Mạnh	026071009767				Làng Mờn	LUC	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	78	4.147,4	49,0	49,0		-		49,0	8,0	4.901,5	16,4%	4.655.000		23.275.000	15.360.000	43.290.000
						Làng Mờn	LUC	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	19.1	754,1	754,1	610,6	143,5	-		754,1				71.639.500		358.197.500		429.837.000
	Tổng				-						**4.901,5**	**803,1**	**659,6**	**143,5**	-	-	**803,1**	**8,0**	**4.901,5**	**16,4%**	**76.294.500**	-	**381.472.500**	**15.360.000**	**473.127.000**
2	Nguyễn Văn Công (Ngát)	026159007666				Làng Mờn	LUC	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	62	223,8	223,8	223,8		-		223,8		1.943,0	11,52%	21.261.000		106.305.000	-	127.566.000
II	**Thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Hỗ trợ ổn định đời sống: 30kg gạo *16.000đồng/tháng*5 tháng = 2.400.000đồng/khẩu)**										**1.469,1**	**1.133,6**	**739,4**	**394,2**	**340,7**	-	**792,9**	**7,0**	**5.121,0**	**0,7**	**107.692.000**	**4.201.853**	**538.460.000**	**16.800.000**	**667.153.853**
3	Dương Thị Phương	026154001103	2	223	481,0	Đồng Áp	LUC	Đất Nhà nước giao	4	277	676,2	**340,7**	340,7		340,7			7,0	1.210,8	28,14%	32.366.500	4.201.853	161.832.500	16.800.000	215.200.853
4	Nguyễn Thị Kính (Hậu)	026159000987				Làng Mờn	LUC	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	19.5	545,6	545,6	346,6	199,0	-		545,6		2.843,9	19,18%	51.832.000		259.160.000	-	310.992.000
5	Nguyễn Văn Bình	026056006996				Làng Mờn	LUC	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	19.8	247,3	247,3	52,1	195,2	-		247,3		1.066,3	23,19%	23.493.500		117.467.500	-	140.961.000
III	**Thu hồi từ 30% đến dưới 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Hỗ trợ ổn định đời sống: 30kg gạo *16.000đồng/tháng*6 tháng = 2.880.000đồng/khẩu)**										**3.461,6**	**3.144,6**	**1.939,2**	**1.205,4**	**498,9**	-	**2.645,7**	**23,0**	**7.324,4**	**3,1**	**298.737.000**	**6.152.934**	**1.493.685.000**	**66.240.000**	**1.864.814.934**
6	Dương Văn Hanh (Nhận UQ Dương Thị Lan)	026166002672	4	244	498,9	Đồng Áp	LUC	Đất Nhà nước giao	4	244	498,9	**498,9**	362,8	136,1	498,9			5,0	1.451,5	34,37%	47.395.500	6.152.934	236.977.500	14.400.000	304.925.934
7	Nguyễn Văn Đường	026064000762				Làng Mờn	CLN	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	34	359,4	42,4	42,4		-		42,4	10,0	917,0	65,4%	4.028.000		20.140.000	28.800.000	52.968.000
						Làng Mờn	LUC	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	19.2	557,6	557,6	406,8	150,8	-		557,6				52.972.000		264.860.000		317.832.000
	Tổng				-						**917,0**	**600,0**	**449,2**	**150,8**	-	-	**600,0**	**10,0**	**917,0**	**0,7**	**57.000.000**	-	**285.000.000**	**28.800.000**	**370.800.000**
8	Nguyễn Văn Chính	026068000990				Làng Mờn	LUC	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	19.3	498,6	498,6	350,1	148,5	-		498,6	8,0	924,8	53,91%	47.367.000		236.835.000	23.040.000	307.242.000

STT	Tên chủ sử dụng đất	SỐ CCCD	Thông tin hồ sơ địa chính						Thông tin theo mảnh trích đo địa chính thu hồi và giao đất			Diện tích thu hồi (m2)						Số khẩu	Tổng DT đang sử dụng	Tỷ lệ % DTTH	Bồi thường, hỗ trợ về đất: 95.000đ/m2	Bồi thường hoa màu 12.333đ/m2	Hỗ trợ CĐN 475.000đ/m2	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ
			Số tờ	Số thửa	Tổng DT	Xứ đồng	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Số tờ	Số thửa	DT (m2)	Tổng DT	Trong chỉ giới	Ngoài chỉ giới	Trong đó										
															Quỹ I	Thửa	Đất không có giấy tờ về QSD đất							
9	Nguyễn Văn Khánh	026050000589				Làng Mờn	LUC	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	19.10	319,3	319,3	121,6	197,7	-		319,3		1.005,3	31,76%	30.333.500		151.667.500	-	182.001.000
10	Nguyễn Văn Hợi	026052001298				Làng Mờn	LUC	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	19.4	446,7	446,7	257,1	189,6	-		446,7		1.040,7	42,92%	42.436.500		212.182.500	-	254.619.000
11	Nguyễn Văn Minh	026066009137				Làng Mờn	LUC	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	19.7	382,4	382,4	188,8	193,6	-		382,4		959,4	39,86%	36.328.000		181.640.000	-	217.968.000
12	Dương Văn Qúy	026066001827				Làng Mờn	LUC	Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	19.6	398,7	398,7	209,6	189,1	-		398,7		1.025,7	38,9%	37.876.500		189.382.500	-	227.259.000
IV	**Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Hỗ trợ ổn định đời sống: 30kg gạo *16.000đồng/tháng*12 tháng = 5.760.000đồng/khẩu)**										**504,0**	**504,0**	**326,4**	**177,6**	**238,6**	-	**265,4**	**7,0**	**504,0**	**2,0**	**47.880.000**	**2.942.654**	**239.400.000**	**40.320.000**	**330.542.654**
13	Nguyễn Văn Thừ	6	56.3	269		Mương Đôi	LUC	Đất Nhà nước giao	9	206	206,9	206,9	206,9		206,9			7.0	238.6	100,0%	19.655.500	2.551.698	98.277.500	40.320.000	160.804.698
									9	206.1	31,7	31,7	31,7		31,7										
	Tổng										**238,6**	**238,6**	**238,6**	-	**238,6**	-	-				3.011.500	390.956	15.057.500		18.459.956
14	Nguyễn Văn Thiều					Làng Mờn		Đất đủ đk cấp GCN QSD đất	1	19.9	265,4	265,4	87,8	177,6			265,4	**7,0**	**238,6**	**1,0**	**22.667.000**	**2.942.654**	**113.335.000**	**40.320.000**	**179.264.654**
																			265,4	100,00%	25.213.000		126.065.000		**151.278.000**

NGƯỜI LẬP

Lại Thị Ngân Hà

NGƯỜI SOÁT

Nguyễn Trung Kiên

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH TUYỀN - TỈNH PHÚ THỌ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ BÌNH TUYỀN

Phạm Ngọc Lân

UBND XÃ BÌNH TUYỀN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 03: PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG NHÂN KHẨU ĐỂ TÍNH HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN SUẤT KINH DOANH CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ ĐT.310B KẾT NỐI ĐƯỜNG Đ3 KHU VỰC THÔN THANH LANH, XÃ TRUNG MỸ, HUYỆN BÌNH XUYÊN

Địa điểm: Thôn Bảo Sơn - xã Bình Tuyền - tỉnh Phú Thọ

(Kèm theo Biên bản niêm yết ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Ban Quản lý dự án)

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Số Khẩu	Số khẩu đã ra QĐ	Hỗ trợ ÔĐĐS theo nhân khẩu	Tổng tiền	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Nhung (Thọ)	5	3	1.920.000	3.930.000	Đã nhận 3 khẩu theo QĐ 886 ngày 28/11/2026 của UBND xã Bình Tuyền
	TỔNG	**5**	**3**		**3.930.000**	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lại Thị Ngân Hà

GIÁM ĐỐC

Phạm Ngọc Lân

UBND XÃ BÌNH TUYỀN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 04: BẢNG TÍNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN VKT, CÂY CỐI

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ ĐT.310B KẾT NỐI ĐƯỜNG Đ3 KHU VỰC THÔN THANH LANH, XÃ TRUNG MỸ, HUYỆN BÌNH XUYÊN

Địa điểm: Thôn Bảo Sơn - xã Bình Tuyền - tỉnh Phú Thọ

(Kèm theo Biên bản niêm yết ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Ban Quản lý dự án)

ĐVT: đồng

Số TT	Họ và tên	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Mạnh	**CÂY CỐI**					
		Thửa 78/49,0m2					
		Cây bạch đàn					
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Trong mật độ)	Cây	8	75.000	600.000	
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Ngoài mật độ)	Cây	16	75.000	960.000	
		TỔNG				**1.560.000**	
		Thửa 19.1/754,1m2					
		Cây bạch đàn					
		30cm < ĐK thân ≤ 40cm (Trong mật độ)	Cây	120	130.000	15.600.000	
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Ngoài mật độ)	Cây	240	75.000	14.400.000	
		TỔNG				**30.000.000**	
		TỔNG CỘNG				**31.560.000**	
2	Nguyễn Văn Công (Ngát)	**CÂY CỐI**					
		Thửa 62/223,8m2					
		***CÂY ĂN QUẢ**					
		Mít					
		10cm < ĐK thân ≤ 20cm	Cây	23	1.464.000	33.672.000	
		TỔNG CỘNG				**33.672.000**	

Số TT	Họ và tên	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	*Ghi chú*
3	Nguyễn Thị Kính	**CÂY CỐI**					
		Thửa 19.5/545,6m2					
		Cây bạch đàn					
		30cm < ĐK thân ≤ 40cm (Trong mật độ)	Cây	88	130.000	11.440.000	
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Ngoài mật độ)	Cây	176	75.000	10.560.000	
		TỔNG CỘNG				**22.000.000**	
4	Nguyễn Văn Bình	**CÂY CỐI**					
		Thửa 19.8/247,3m2					
		Cây bạch đàn					
		30cm < ĐK thân ≤ 40cm (Trong mật độ)	Cây	40	130.000	5.200.000	
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Ngoài mật độ)	Cây	80	75.000	4.800.000	
		TỔNG CỘNG				**10.000.000**	
5	Nguyễn Văn Đường	**CÂY CỐI**					
		Thửa 34/42,4m2					
		Cây Mít					
		10cm < ĐK thân ≤ 20cm (Trong mật độ)	Cây	2	1.464.000	2.928.000	
		10cm < ĐK thân ≤ 20cm (Ngoài mật độ)	Cây	4	1.464.000	4.684.800	
		TỔNG				**7.612.800**	
		Thửa 19.2/557,6m2					
		Cây bạch đàn					
		30cm < ĐK thân ≤ 40cm (Trong mật độ)	Cây	88	130.000	11.440.000	
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Ngoài mật độ)	Cây	172	75.000	10.320.000	
		TỔNG				**21.760.000**	
		TỔNG CỘNG				**29.372.800**	

Số TT	Họ và tên	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	*Ghi chú*
6	Nguyễn Văn Chỉnh	**CÂY CỐI**					
		Thửa 19.3/498,6m2					
		Cây bạch đàn					
		30cm < ĐK thân ≤ 40cm (Trong mật độ)	Cây	80	130.000	10.400.000	
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Ngoài mật độ)	Cây	160	75.000	9.600.000	
		TỔNG				**20.000.000**	
7	Nguyễn Văn Khánh	**CÂY CỐI**					
		Thửa 19.10/319,3m2					
		Cây bạch đàn					
		30cm < ĐK thân ≤ 40cm (Trong mật độ)	Cây	51	130.000	6.630.000	
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Ngoài mật độ)	Cây	102	75.000	6.120.000	
		TỔNG				**12.750.000**	
8	Nguyễn Văn Hợi	**CÂY CỐI**					
		Thửa 19.4/446,7m2					
		***CÂY CỐI**					
		Cây bạch đàn					
		30cm < ĐK thân ≤ 40cm (Trong mật độ)	Cây	72	130.000	9.360.000	
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Ngoài mật độ)	Cây	144	75.000	8.640.000	
		TỔNG				**18.000.000**	
		CÂY CỐI					
		Thửa 19.7/382,4m2					
		***CÂY CỐI**					

Số TT	Họ và tên	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	*Ghi chú*
9	Nguyễn Văn Minh	**Cây bạch đàn**					
		30cm < ĐK thân ≤ 40cm (Trong mật độ)	Cây	62	130.000	8.060.000	
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Ngoài mật độ)	Cây	124	75.000	7.440.000	
		TỔNG				**15.500.000**	
10	Nguyễn Văn Qúy	**CÂY CỐI**					
		Thửa 19.6/398,7m2					
		Cây bạch đàn					
		30cm < ĐK thân ≤ 40cm (Trong mật độ)	Cây	64	130.000	8.320.000	
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Ngoài mật độ)	Cây	128	75.000	7.680.000	
		TỔNG				**16.000.000**	
11	Nguyễn Văn Thiều	**CÂY CỐI**					
		Thửa 19.9/265,4m2					
		Cây bạch đàn					
		30cm < ĐK thân ≤ 40cm (Trong mật độ)	Cây	40	130.000	5.200.000	
		15cm < ĐK thân ≤ 30cm (Ngoài mật độ)	Cây	80	75.000	4.800.000	
		TỔNG				**10.000.000**	
TỔNG CỘNG						**218.854.800**	

NGƯỜI TÍNH

Lại Thị Ngân Hà

NGƯỜI SOÁT

Nguyễn Trung Kiên

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH TUYỀN - TỈNH PHÚ THỌ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ BÌNH TUYỀN

Phạm Ngọc Lân

UBND XÃ BÌNH TUYỀN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 05: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY CỐI, TÀI SẢN

DỰ ÁN THÀNH PHẦN 1: BỒI THƯỜNG GPMB PHỤC VỤ ĐTXD ĐƯỜNG TỪ ĐT.310B KẾT NỐI ĐƯỜNG Đ3 KHU VỰC THÔN THANH LANH, XÃ TRUNG MỸ, HUYỆN BÌNH XUYÊN (NAY LÀ THÔN THANH LANH, XÃ BÌNH TUYỀN, TỈNH PHÚ THỌ)

ĐỊA ĐIỂM: THÔN BẢO SƠN - XÃ BÌNH TUYỀN- TỈNH PHÚ THỌ

(Kèm theo Biên bản niêm yết ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Ban Quản lý dự án)

Họ và tên: Nguyễn Văn Mạnh

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng (số lượng)	Đơn giá cây cối	G_{XM} (Giá trị xây dựng)		G_{bs} (Giá trị bổ sung)		Mức hỗ trợ	GBT (Giá trị bồi thường) ĐVT: Đồng	Ghi chú
					Đơn giá	Thành Tiền	Đơn giá	Thành Tiền			
			1,0	*2*	*3*	*4=1x3 - Tài sản*	*5*	*6=1x5 - Tài sản*	*7*	*8=(4+6)x7 - Tài sản*	
I	**Tài sản xây dựng**										
1	Cột bê tông cốt thép tiết diện 15x15cm	m	37,5		237.373	8.901.488				**7.121.190**	
									80%	7.121.190	

Họ và tên: Nguyễn Thị Kính

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng (số lượng)	Đơn giá cây cối	G_{XM} (Giá trị xây dựng)		G_{bs} (Giá trị bổ sung)		Mức hỗ trợ	GBT (Giá trị bồi thường) ĐVT: Đồng	Ghi chú
					Đơn giá	Thành Tiền	Đơn giá	Thành Tiền			
			1,0	*2*	*3*	*4=1x3 - Tài sản*	*5*	*6=1x5 - Tài sản*	*7*	*8=(4+6)x7 - Tài sản*	
I	**Tài sản xây dựng**										
1	Cột bê tông cốt thép tiết diện 15x15cm	m	67,5		237.373	16.022.678				**12.818.142**	
									80%	12.818.142	

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng (số lượng)	Đơn giá cây cối	G_{XM} (Giá trị xây dựng)		G_{bs} (Giá trị bổ sung)		Mức hỗ trợ	GBT (Giá trị bồi thường) ĐVT: Đồng	Ghi chú
					Đơn giá	Thành Tiền	Đơn giá	Thành Tiền			

Họ và tên: Nguyễn Văn Hợi

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng (số lượng)	Đơn giá cây cối	G_{XM} (Giá trị xây dựng)		G_{bs} (Giá trị bổ sung)		Mức hỗ trợ	GBT (Giá trị bồi thường) ĐVT: Đồng	Ghi chú
					Đơn giá	Thành Tiền	Đơn giá	Thành Tiền			
			1,0	*2*	*3*	*4=1x3 - Tài sản*	*5*	*6=1x5 - Tài sản*	*7*	*8=(4+6)x7 - Tài sản*	
I	**Tài sản xây dựng**										
1	Cột bê tông cốt thép tiết diện 15x15cm	m	45,0		237.373	10.681.785				**8.545.428**	
									80%	8.545.428	

Họ và tên: Nguyễn Văn Minh

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng (số lượng)	Đơn giá cây cối	G_{XM} (Giá trị xây dựng)		G_{bs} (Giá trị bổ sung)		Mức hỗ trợ	GBT (Giá trị bồi thường) ĐVT: Đồng	Ghi chú
					Đơn giá	Thành Tiền	Đơn giá	Thành Tiền			
			1,0	*2*	*3*	*4=1x3 - Tài sản*	*5*	*6=1x5 - Tài sản*	*7*	*8=(4+6)x7 - Tài sản*	
I	**Tài sản xây dựng**										
1	Cột bê tông cốt thép tiết diện 15x15cm	m	45,0		237.373	10.681.785				**8.545.428**	
									80%	8.545.428	

Họ và tên: Dương Vĩnh Hoàn

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng (số lượng)	Đơn giá cây cối	G_{XM} (Giá trị xây dựng)		G_{bs} (Giá trị bổ sung)		Mức hỗ trợ	GBT (Giá trị bồi thường) ĐVT: Đồng	Ghi chú
					Đơn giá	Thành Tiền	Đơn giá	Thành Tiền			
			1	*2*	*3*	*4=1x3 - Tài sản*	*5*	*6=1x5 - Tài sản*	*7*	*8=(4+6)x7 - Tài sản* *8=1x2x7 - Cây cối*	

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng (số lượng)	Đơn giá cây cối	G_{XM} (Giá trị xây dựng)		G_{bs} (Giá trị bổ sung)		Mức hỗ trợ	GBT (Giá trị bồi thường) ĐVT: Đồng	Ghi chú
					Đơn giá	Thành Tiền	Đơn giá	Thành Tiền			
I	**Tài sản xây dựng**									**15.863.683**	
1	Lắp đặt ống nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đoạn ống dài 8m, đường kính ống 20mm (216m)	m	216		23.535	5.083.560			80%	4.066.848	
2	Hàng ráo lưới thép gai a =100 có khung thép V4 xung quanh hàn vào cột L50; có thanh dọc a=1200, trên có gắn lưới mác L= 200, a = 300(24*1.5)	m2	36		217.559	7.832.124			80%	6.265.699	
3	Lách gạch nền đường bằng gạch xi măng (16*2)	m2	32		216.060	6.913.920			80%	5.531.136	
Tổng Cộng:										**15.863.683**	
TỔNG CỘNG										**52.893.871**	

NGƯỜI TÍNH

Lại Thị Ngân Hà

NGƯỜI SOÁT

Nguyễn Trung Kiên

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH TUYỀN - TỈNH PHÚ THỌ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ BÌNH TUYỀN

Phạm Ngọc Lân